

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 03, ngõ 1295, đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Tel: (84 4) 9745081/82 Fax: (84 4) 9745083

Hà nội, tháng 03 năm 2015

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên	5 - 6
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014</i>	7 - 8
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014</i>	9
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2014</i>	10
	<i>Ban thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	11 - 36

1981
CỔ
TÂN
CÁI
KHO
H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 10, ngày 19 tháng 09 năm 2014. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty : Số 189 Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty : 140.300.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP- VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011, thay đổi lần thứ 3 ngày 09/10/2014. Theo đó, ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 10-10-2014 Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định về việc thay đổi niêm yết. Số lượng chứng khoán thay đổi niêm yết: 1.160.000 cổ phiếu. Tổng số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết : 14.030.000 cổ phiếu. Tổng giá trị chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi niêm yết (theo mệnh giá) 140.300.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ ba trăm triệu đồng).

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê Container;
- Cho thuê xe có động cơ

Hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo tài chính này gồm;
Các thành viên của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Bùi Chí Hùng	Chủ tịch HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
2	Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	26/04/2014	30/03/2018
3	Ông Lê Thái Cường	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
4	Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
5	Bà Vũ Thị Phú	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
6	Ông Lê Hoài Nam	Thành viên HĐQT	26/04/2014	30/03/2018
7	Bà Đào Kim Phương	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018

Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính này gồm;

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Thái Cường	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Hiệt	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Trần Thị Kim Hồng	Thành viên
3	Bà Văn Thị Thanh Bình	Thành viên

•Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty và tại ngày lập báo cáo tài chính là Ông Bùi Chí Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.

Các sự kiện trong năm tài chính

Bổ nhiệm ông Hoàng Anh Dũng giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2014/NQ- HĐQT ngày 22 tháng 04 năm 2014.

Công ty đã thực hiện phát hành thêm 1.160.000 cổ phiếu theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2014/NQ- HĐQT ngày 31/07/2014 về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông chiến lược.

Ngày 25/08/2014 hoàn thành mua sở hữu vốn của Công ty TNHH Container Minh Thành, nâng tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty Mẹ tại Công ty Container Minh Thành lên 99.90%

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2015

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Ký tên, đóng dấu)



BÙI CHÍ HÙNG

Số: 20 /BCKT-CPAHANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014
của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải****Kính gửi: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải, được lập ngày 20/02/2015, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo này được lập thành 08 bản bằng Tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải giữ 07 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội



Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNĐKHN số 0132/2013-016-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn

Giấy CNĐKHN số 1695/2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. Tài sản ngắn hạn	100		77.990.902.026	69.664.831.280
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	16.373.791.457	11.878.587.333
1. Tiền	111		10.373.791.457	11.878.587.333
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.857.823.885	1.877.823.885
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.857.823.885	1.877.823.885
III. Các khoản phải thu	130	V.02	36.329.460.136	28.766.148.284
1. Phải thu khách hàng	131	V.02a	30.698.003.892	22.250.255.687
2. Trả trước cho người bán	132		1.011.806.500	540.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	138	V.02b	5.006.884.835	6.363.127.688
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.02c	(387.235.091)	(387.235.091)
IV. Hàng tồn kho	140		13.268.969.707	12.944.479.130
1. Hàng tồn kho	141	V.03a	13.906.349.707	13.661.859.130
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.03b	(637.380.000)	(717.380.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.160.856.841	14.197.792.648
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		556.016.582	842.451.545
2. Thuế GTGT còn được khấu trừ	152	V.04	729.670.197	1.285.988.870
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		7.275.016	93.852.232
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.867.895.046	11.975.500.001
B. Tài sản dài hạn	200		145.278.787.394	174.160.488.438
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		114.613.429.234	144.993.081.260
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	104.049.920.058	134.097.452.692
- Nguyên giá	222		169.510.487.769	200.630.537.726
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(65.460.567.711)	(66.533.085.034)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	1.032.665.600	1.178.111.460
- Nguyên giá	225		1.396.280.250	1.396.280.250
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(363.614.650)	(218.168.790)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	8.457.448.113	8.854.947.445
- Nguyên giá	228		12.418.804.956	12.387.601.422
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.961.356.843)	(3.532.653.977)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	1.073.395.463	862.569.663
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.735.520.578	3.375.282.072
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.623.336.621	3.166.517.562
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		112.183.957	208.764.510
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269	V.10	28.929.837.582	25.792.125.106
Tổng cộng tài sản	270		223.269.689.420	243.825.319.718

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2014

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. Nợ phải trả	300		38.729.858.154	73.042.490.037
I. Nợ ngắn hạn	310		29.975.743.348	60.864.181.633
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	15.684.608.828	45.021.331.170
2. Phải trả người bán	312	V.12	6.366.517.566	4.395.219.687
3. Người mua trả tiền trước	313		424.299.736	193.524.567
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	2.839.437.142	4.749.163.600
5. Phải trả người lao động	315		1.436.320.778	1.608.457.156
6. Chi phí phải trả	316	V.14	196.095.863	181.448.961
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	2.971.422.287	4.672.314.425
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		57.041.148	42.722.067
II. Nợ dài hạn	330		8.754.114.806	12.178.308.404
1. Phải trả dài hạn khác	333		6.854.114.806	2.794.921.582
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	1.900.000.000	9.383.386.822
B Vốn chủ sở hữu	400		183.408.207.765	163.956.411.452
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	183.408.207.765	163.956.411.452
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		140.300.000.000	128.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.389.859.500	9.130.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.524.789.900)	(2.524.789.900)
4. Quỹ dự phòng tài chính	417		3.390.355.276	2.610.016.874
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		30.852.782.889	26.040.824.978
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		1.131.623.501	6.826.418.229
Tổng cộng nguồn vốn	440		223.269.689.420	243.825.319.718

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2015

Người lập



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bùi Chí Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	181.052.613.280	185.819.272.202
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.20	181.052.613.280	185.819.272.202
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	138.301.133.376	139.264.600.786
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.751.479.904	46.554.671.416
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	349.427.895	2.327.230.297
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	4.465.446.025	6.931.211.786
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.740.799.147	6.851.582.983
8. Chi phí bán hàng	24		-	100.866.940
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.617.685.728	13.397.073.961
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.017.776.046	28.452.749.026
11. Thu nhập khác	31		16.843.922.454	9.520.503.493
12. Chi phí khác	32		12.828.856.488	7.396.417.480
13. Lợi nhuận khác	40		4.015.065.966	2.124.086.013
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.032.842.012	30.576.835.039
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	5.419.080.192	6.278.706.662
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		112.183.957	208.764.510
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.725.945.777	24.506.892.886
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		476.657.972	293.965.530
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		22.249.287.805	24.212.927.356
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26	1.745	1.921

Người lập



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	194.117.662.410	221.388.122.266
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(109.924.632.274)	(147.635.743.188)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.897.545.896)	(19.809.131.829)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.794.446.744)	(6.979.963.722)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(6.845.494.117)	(5.449.379.920)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	135.809.230.753	174.132.121.624
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(159.490.541.824)	(197.388.287.528)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	31.974.232.308	18.257.737.703
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(5.082.622.804)	(34.825.711.510)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	12.472.090.909	6.247.473.502
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	26.520.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	347.218.275	37.592.141.557
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.756.686.380	9.013.903.549
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	13.920.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(428.013.500)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	206.489.196.588	186.691.174.049
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(242.398.291.969)	(194.630.255.225)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(735.320.153)	(735.320.152)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.511.299.030)	(15.355.179.872)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.235.714.564)	(24.457.594.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.495.204.124	2.814.046.552
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.878.587.333	9.064.540.781
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.373.791.457	11.878.587.333

Người lập



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2015

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 10, ngày 19 tháng 09 năm 2014. Theo đó:

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty : 140.300.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê Container;
- Cho thuê xe có động cơ;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

4. Công ty con hợp nhất Báo cáo tài chính và tỷ lệ sở hữu

• Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục thông quan.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

• Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 29 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 6.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100,00% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

• Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 22 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh vận tải đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

• Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 22 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

• Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 28 tháng 05 năm 2014. Theo đó;

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, các dịch vụ vận tải khác. Dịch vụ kho bãi.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

• **Công ty TNHH Container Minh Thành**

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200667880 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 7 ngày 5 tháng 8 năm 2014. Theo đó;

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 99,9% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

• **Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải**

Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2011, thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 09 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 999.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (Công ty mẹ) và các Công ty con tại ngày 31/12/2014.

Các Công ty được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

6.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp} \\ \hline \text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế} \end{array}$$

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

11.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

11.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

13. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 từ 20% - 22%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	709.141.609	998.210.602
- Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	95.676.299	715.221.852
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	78.921.746	61.267.998
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	18.828.374	23.454.753
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	212.214.916	5.300.217
- Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	200.086.407	98.134.593
- Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	12.540.767	15.152.483
- Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	66.639.457	78.653.520
- Công ty TNHH Container Minh Thành	24.233.643	1.025.186
Tiền gửi ngân hàng	9.664.649.848	10.880.376.731
- Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	3.012.771.477	7.822.079.532
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	3.693.674.504	101.589.452
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	999.875.513	2.066.965.679
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.174.932.033	246.025.796
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	460.295.306	181.321.716
- Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	117.539.421	23.411.899
- Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	1.589.503	3.049.821
- Công ty TNHH Container Minh Thành	203.972.091	435.932.836
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	5.000.000.000	-
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.000.000.000	-
Cộng:	16.373.791.457	11.878.587.333
02 Các khoản phải thu		
02a Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	4.353.869.656	1.975.128.079
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	425.083.011	542.573.413
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	18.631.218.698	14.295.881.490
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	3.974.670.738	2.046.094.807
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.511.465.652	2.155.478.759
- Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	428.925.466	574.260.715
- Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	360.843.682	136.402.612
- Công ty TNHH Container Minh Thành	1.011.926.989	524.435.812

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cộng:	30.698.003.892	22.250.255.687
02b Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	1.140.974.025	93.286.141
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	183.508.826	82.923.022
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.883.345.310	2.070.430.803
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	687.611.400	2.498.262.793
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	49.536.932	2.880.000
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	61.908.342	230.089.332
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	1.385.255.597
Cộng:	5.006.884.835	6.363.127.688
02c Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	(387.235.091)	(387.235.091)
Cộng:	(387.235.091)	(387.235.091)
03a. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	999.590.642	2.740.004.720
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	912.034.656	2.279.882.000
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	19.081.468
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	65.926.321	441.041.252
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	21.629.665	-
Công cụ, dụng cụ	-	35.504.547
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	35.504.547
Chi phí SXKD dở dang	898.831.134	71.064.199
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	898.831.134	71.064.199
Hàng hoá	12.007.927.931	10.815.285.664
Cty cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải	3.054.475.424	5.473.524.606
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	136.173.282
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	7.325.795.000	437.218.352
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.627.657.507	3.876.382.572
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	692.473.251
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	199.513.601
Cộng:	13.906.349.707	13.661.859.130
03b. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	(637.380.000)	(637.380.000)
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	(80.000.000)
Cộng:	(637.380.000)	(717.380.000)
04. Thuế GTGT còn được khấu trừ	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Thuế GTGT còn được khấu trừ</i>		
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	-	18.100.727
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	729.670.197	510.115.692
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	757.772.451
Cộng:	729.670.197	1.285.988.870
05. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Nguyên giá tài sản cố định	169.510.487.769	200.630.537.726
Nhà cửa vật kiến trúc	103.122.277.171	102.387.690.847
Máy móc thiết bị	22.543.659.208	29.271.016.646
Phương tiện vận tải	42.106.610.230	67.233.889.073
Tài sản cố định khác	1.737.941.160	1.737.941.160
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế	65.460.567.711	66.533.085.034
Nhà cửa vật kiến trúc	32.091.280.926	25.555.960.626
Máy móc thiết bị	13.701.451.701	16.387.263.308
• Phương tiện vận tải	18.529.342.062	23.676.847.053
Tài sản cố định khác	1.138.493.022	913.014.047
III. Giá trị còn lại	104.049.920.058	134.097.452.692
Nhà cửa vật kiến trúc	71.030.996.245	76.831.730.221
Máy móc thiết bị	8.842.207.507	12.883.753.338
Phương tiện vận tải	23.577.268.168	43.557.042.020
Tài sản cố định khác	599.448.138	824.927.113
06. Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính	1.396.280.250	1.396.280.250
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.396.280.250	1.396.280.250
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế	363.614.650	218.168.790
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	363.614.650	218.168.790
III. Giá trị còn lại	1.032.665.600	1.178.111.460

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.032.665.600	1.178.111.460
07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Nguyên giá tài sản cố định vô hình	12.418.804.956	12.387.601.422
- Quyền sử dụng đất	12.348.804.956	12.387.601.422
Tài sản cố định vô hình khác	70.000.000	-
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế	3.961.356.843	3.532.653.977
Quyền sử dụng đất	3.891.356.843	3.532.653.977
Tài sản cố định vô hình khác	70.000.000	-
III. Giá trị còn lại	8.457.448.113	8.854.947.445
Quyền sử dụng đất	8.457.448.113	8.854.947.445
Tài sản cố định vô hình khác	-	-
08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	927.011.463	862.569.663
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	146.384.000	-
Cộng:	1.073.395.463	862.569.663
09. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ		
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	276.997.664	505.221.050
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	116.728.438	259.784.569
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	303.938.453	564.449.215
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	467.714.540	892.343.637
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	282.627.905	499.684.418
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	30.808.930
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	15.320.758	138.153.591
Công ty TNHH Container Minh Thành	160.008.863	276.072.152
Cộng:	1.623.336.621	3.166.517.562
10. Lợi thế thương mại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lợi thế thương mại	28.929.837.582	25.792.125.106
Cộng:	28.929.837.582	25.792.125.106

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (1)	1.819.000.000	3.051.737.376
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải (2)	5.174.386.489	9.462.692.174
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (3)	7.403.870.039	12.701.247.019
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	9.953.761.676
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ (4)	1.287.352.300	7.981.892.925
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	1.870.000.000
Cộng:	15.684.608.828	45.021.331.170

(1) Khoản vay ngắn hạn của Công ty cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải, số tiền 1.819.000.000 đồng là khoản vay của các cá nhân. Lãi suất 11%/ năm. Vay không có tài sản đảm bảo. Thời hạn vay 12 tháng.

(2) Khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải, số tiền 5.174.386.489 đồng là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số: 01/2014/1171159/HĐTD ngày 30/06/2014 với lãi suất vay theo từng thời điểm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là giá trị của 19 Xe ô tô đầu kéo, 10 xe rơ moóc chuyên dùng, 01 xe 04 chỗ Mercedes.

(3) Khoản vay ngắn hạn, số tiền 7.403.870.039 đồng của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/1716296/HĐTD ngày 30/06/2014 với lãi suất cho vay theo từng thời điểm. Các khoản vay này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và các công trình kiến trúc trên diện tích 77.462 m2 của Công ty TNHH Container Minh Thành tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, 01 xe ACURA 07 chỗ.

(5) Khoản vay ngắn hạn, số tiền 1.287.352.300 đồng của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐ ngày 21/06/2014 với lãi suất cho vay theo từng thời điểm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ nhà cửa, kho, sân bãi container trên diện tích đất thuê của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ và 01 cầu giàn, 02 xe nâng, 01 cần trục 36 tấn, xe đầu kéo 19N 3124, 19N 3120.

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	53.767.662	70.837.234
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	366.662.723	478.618.519
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	45.829.623	61.600.021
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	4.142.074.072	2.545.901.853
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.758.183.486	1.238.262.060
Cộng:	6.366.517.566	4.395.219.687

(Các thuyết minh này, là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT	1.486.848.407	790.585.879
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	123.458.946	223.342.308
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	167.538.034	228.729.449
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	119.889.987	164.604.243
Cty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải HN	489.008.081	-
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	34.722.440	31.692.456
Công ty TNHH Container Minh Thành	219.184.741	142.217.423
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	333.046.178	-
- Thuế đất	-	1.066.639.468
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	1.066.639.468
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.340.733.129	2.857.076.418
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	162.023.843	21.652.097
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	301.560.317	578.719.290
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	278.903.777	506.431.640
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	266.827.472	1.489.630.661
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	186.945.738	260.642.730
Công ty TNHH Container Minh Thành	144.471.982	-
- Thuế thu nhập cá nhân	11.855.606	34.861.835
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	3.602.305	13.001.398
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	347.230	228.164
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	1.225.563
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	7.038.165	3.078.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	792.906	12.043.272
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	75.000	5.285.438
Cộng:	2.839.437.142	4.749.163.600
14. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	143.630.213	131.140.629
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	29.974.999
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	52.465.650	20.333.333
Cộng:	196.095.863	181.448.961
15. Phải trả, phải nộp khác	Số cuối năm	Số đầu năm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Phải trả, phải nộp khác		
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	1.047.839.486	366.115.486
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	403.311.846	392.545.361
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	246.914.071	269.805.061
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	152.456.878	477.568.420
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	1.119.369.646	1.318.748.457
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	1.530.360	2.459.520
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	1.845.072.120
Cộng:	2.971.422.287	4.672.314.425

16. Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	1.900.000.000	8.648.066.669
CTy TNHH MTVVTĐa phương thức Duyên Hải Hà Nội	-	-
<i>Ngân hàng NN&PTNT CN Tây Hà Nội</i>	-	2.291.666.669
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	-
<i>Ngân hàng TMCP CT Việt Nam CN Hùng Vương</i>	-	490.000.000
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	-	-
<i>Ngân hàng công thương Ngô Quyền</i>	-	5.866.400.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Đông HP(1)</i>	1.900.000.000	-
Nợ dài hạn	-	735.320.153
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	-	-
<i>Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam</i>	-	735.320.153
Cộng:	1.900.000.000	9.383.386.822

(1) Khoản vay dài hạn số tiền 1.900.000.000 đồng công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Đông Hải Phòng theo hợp đồng số 02/2014/1171159/HĐTD ngày 27/11/2014. Theo đó, thời hạn vay là 48 tháng. Lãi suất điều chỉnh 06 tháng/lần, tài sản thế chấp cho khoản vay này là 04 đầu kéo CHENG LONG sản xuất tại Trung Quốc do Công ty đang sử dụng.

17. Vốn chủ sở hữu		
a. Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu (Phụ lục 01)		
b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn điều lệ đã góp)	31/12/2014	31/12/2013
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	27.890.600.000	78.938.100.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vốn góp của cổ đông khác (CBCNV+CPQ)	24.131.560.000	8.206.170.000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	88.277.840.000	41.555.730.000
Cộng:	140.300.000.000	128.700.000.000

c, Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	128.700.000.000	128.700.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	11.600.000.000	
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	140.300.000.000	128.700.000.000
+ Cổ tức lợi nhuận đã chia trong đó:	12.913.965.530	15.719.452.698
- Cổ đông của công ty mẹ	12.620.000.000	15.324.000.000
- Cổ đông thiểu số	293.965.530	395.452.698

d, Cổ tức

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kế toán năm:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	Chưa công bố	15%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

đ, Cổ phiếu

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.030.000	12.870.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.780.000	12.620.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.780.000	12.620.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	250.000	250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	250.000	250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.780.000	12.620.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.780.000	12.620.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Đơn vị tính: Đồng
Doanh thu thương mại, dịch vụ	181.052.613.280	185.819.272.202
Trong đó:		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Doanh thu vận tải	90.225.018.571	80.754.578.687
Doanh thu kho CFS	18.408.000.176	17.399.133.733
Doanh thu bãi	28.234.438.640	30.290.473.496
Doanh thu xuất tàu Shiptside	1.490.064.359	1.294.194.585
Doanh thu thương mại, dịch vụ	42.695.091.534	56.080.891.701
Cộng:	181.052.613.280	185.819.272.202

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	181.052.613.280	185.819.272.202
Trong đó:		
Doanh thu vận tải	90.225.018.571	80.754.578.687
Doanh thu kho CFS	18.408.000.176	17.399.133.733
Doanh thu bãi	28.234.438.640	30.290.473.496
Doanh thu xuất tàu Shiptside	1.490.064.359	1.294.194.585
Doanh thu thương mại, dịch vụ	42.695.091.534	56.080.891.701
Cộng:	181.052.613.280	185.819.272.202

21. Giá vốn hàng bán thương mại, dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	138.301.133.376	139.264.600.786
Giá vốn vận tải	71.511.413.225	61.564.154.181
*Giá vốn kho CFS	14.367.584.738	10.978.815.658
Giá vốn bãi	16.597.476.310	21.581.915.550
Giá vốn xuất tàu Shiptside	1.392.151.674	1.143.665.902
Giá vốn thương mại, dịch vụ	34.432.507.429	43.996.049.495
Cộng:	138.301.133.376	139.264.600.786

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	61.097.963	80.894.867
Chênh lệch tỷ giá	2.269.591	23.121.534
Doanh thu tài chính khác	286.060.341	2.223.213.896
Cộng:	349.427.895	2.327.230.297

23. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
--	----------------	------------------

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Lãi tiền vay	3.740.799.147	6.851.582.983
Chi phí HĐTC khác(Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn)	724.646.878	79.628.803
Cộng:	4.465.446.025	6.931.211.786
24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.419.080.192	6.278.706.662
Cộng:	5.419.080.192	6.278.706.662
25. Chi phí sản xuất theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.279.656.694	6.511.305.436
Chi phí nhân công	13.701.613.315	15.457.457.316
Chi phí Khấu hao TSCĐ	16.032.858.882	16.412.124.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.772.496.095	99.485.840.925
Chi phí bằng tiền khác	2.514.508.390	1.397.872.773
Cộng	138.301.133.376	139.264.600.786
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.		
Công ty đã sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	22.725.945.777	24.506.892.886
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Các khoản điều chỉnh tăng		-
Các khoản điều chỉnh giảm		-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.725.945.777	24.506.892.886
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.026.795	12.755.329
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1745	1921

27. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được phân bổ chủ yếu ở 3 khu vực: Hải Phòng, Phú Thọ và Hà Nội. Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý như sau:

Xem chi tiết tại Phụ lục 02

Lĩnh vực kinh doanh

- Lĩnh vực 01: Kinh doanh dịch vụ
- Lĩnh vực 02: Kinh doanh thương mại

Chi tiết hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Xem chi tiết tại Phụ lục 03

27. Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

- Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo (Xem tại Mục 11 và 16, phần Thuyết minh).

28. Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính)

Tập đoàn chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.

	Đơn vị tính: đồng	
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.373.791.457	16.373.791.457
Phải thu khách hàng	30.698.003.892	30.310.768.801
Phải thu khác	5.006.884.835	5.006.884.835
Cộng	52.078.680.184	51.691.445.093
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Nợ phải trả tài chính		
Ngắn hạn		
Vay và nợ ngắn hạn	15.684.608.828	15.684.608.828
Phải trả người bán	6.366.517.566	6.366.517.566
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.971.422.287	2.971.422.287
Dài hạn		
Phải trả dài hạn khác	6.854.114.806	6.854.114.806
Vay và nợ dài hạn	1.900.000.000	1.900.000.000
Cộng	33.776.663.487	33.776.663.487

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

29. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp	Tại thời điểm	Tại thời điểm
	31/12/2014	31/12/2013
a. Bố trí cơ cấu tài sản:		
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	65%	71%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	35%	29%
b. Tỷ suất sinh lợi:		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	13%	13%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	12%	15%
c. Tình hình tài chính:		
- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	17%	30%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	8%	6%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu)	62%	88%

30. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Đơn vị tính: đồng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

T	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công ty con
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV vận tải đa PT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
8	Ông Nguyễn Đình Chung	Cổ đông lớn
9	Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	Cổ đông lớn
10	Ông Nguyễn Thành Lê	Cổ đông lớn
11	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Cổ đông lớn

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Giá vốn		13.767.369.176
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	7.991.360.364
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	4.999.031.312
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	776.977.500

(Các thuyết minh này, là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Doanh thu		7.975.171.959
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	3.939.189.832
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	459.705.023
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	2.001.384.668
4 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	112.002.902
5 Cty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	7.483.171
6 Công ty TNHH Container MinhThành	Doanh thu dịch vụ	1.455.406.363
- Cổ tức và lợi nhuận được chia		22.909.458.790
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận	2.117.227.928
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Lợi nhuận	3.702.061.707
3 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận	3.523.677.756
4 Công ty TNHH Container MinhThành	Lợi nhuận	2.301.501.111
5 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận	11.264.990.288
- Các khoản phải thu		Tại ngày 31/12/2014
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	54.560.000
2 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	18.259.199
3 Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công nợ phải thu	110.000.000
<i>Cộng</i>		182.819.199
- Các khoản phải thu khác		Tại ngày 31/12/2014
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	1.456.798.413
2 Công ty TNHH Container MinhThành	Công nợ phải thu	268.556.073
3 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải thu	2.386.550.299
4 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	3.648.858.333
5 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải thu	624.653.216
6 Cty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải HN	Công nợ phải thu	18.306.667
<i>Cộng</i>		8.403.723.001
- Đầu tư tài chính ngắn hạn		Tại ngày 31/12/2014
1 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Vay vốn kinh doanh	2.000.000.000
2 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Vay vốn kinh doanh	11.000.000.000
<i>Cộng</i>		13.000.000.000
- Đầu tư tài chính dài hạn		Tại ngày 31/12/2014
1 Công ty TNHH Container MinhThành	Vay vốn kinh doanh	14.510.000.000
2 Cty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Vay vốn kinh doanh	400.000.000
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Vay vốn kinh doanh	11.660.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cộng		26.570.000.000
- Phải trả người bán		Tại ngày 31/12/2014
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải trả	139.656.000
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải trả	543.838.858
3 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải trả	737.501.674
Cộng		1.420.996.532
Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát		Năm 2014
Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát		1.250.868.109

VII. Thông tin khác

1. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

2. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Người lập

Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2015

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng

Phụ lục số 01:**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	128.700.000.000	9.615.359.500	(2.224.776.400)	2.474.329.995	18.572.149.730	157.137.062.825
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	24.212.927.356	24.212.927.356
Tăng khác	-	-	1.242.000.000	135.686.879	-	1.377.686.879
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	485.000.000	1.542.013.500	-	16.744.252.108	18.771.265.608
2. Số dư cuối năm trước	128.700.000.000	9.130.359.500	(2.524.789.900)	2.610.016.874	26.040.824.978	163.956.411.452
3. Số dư đầu năm nay	128.700.000.000	9.130.359.500	(2.524.789.900)	2.610.016.874	26.040.824.978	163.956.411.452
Tăng vốn trong kỳ	11.600.000.000	2.320.000.000	-	-	-	13.920.000.000
Lãi trong kỳ cổ đông công ty Mẹ	-	-	-	-	22.249.287.805	22.249.287.805
Tăng khác	-	-	-	780.338.402	1.014.673	781.353.075
Giảm vốn trong kỳ	-	60.500.000	-	-	-	60.500.000
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	17.438.344.567	17.438.344.567
						-
4. Số dư cuối kỳ 31/12/2014	140.300.000.000	11.389.859.500	(2.524.789.900)	3.390.355.276	30.852.782.889	183.408.207.765

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Số 189, Đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 02:

Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Khu vực địa lý			Tổng cộng
		Hải Phòng	Phú Thọ	Hà Nội	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.716.447.569	90.581.979.579	1.754.186.132	181.052.613.280
2	Giá vốn thương mại và dịch vụ	129.900.221.405	6.859.533.256	1.541.378.715	138.301.133.376
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(41.183.773.836)	83.722.446.323	212.807.417	42.751.479.904
4	Doanh thu hoạt động tài chính	334.682.995	12.527.200	2.217.700	349.427.895
5	Chi phí tài chính	3.814.278.225	515.964.962	135.202.838	4.465.446.025
6	Chi phí bán hàng	-	-	-	-
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.484.256.401	1.753.465.900	379.963.427	14.617.685.728
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(57.147.625.467)	81.465.542.661	(300.141.148)	24.017.776.046
9	Thu nhập khác	6.747.889.702	443.297.752	9.652.735.000	16.843.922.454
10	Chi phí khác	2.579.741.533	85.631.478	10.163.483.477	12.828.856.488
11	Lợi nhuận khác	4.168.148.169	357.666.274	(510.748.477)	4.015.065.966
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(52.979.477.298)	81.823.208.935	(810.889.625)	28.032.842.012
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.413.057.092	1.006.023.100	-	5.419.080.192
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	112.183.957	-	-	112.183.957

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
 Địa chỉ: Số 189, Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 03:

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Lĩnh vực		Tổng cộng
		Kinh doanh thương mại	Kinh doanh dịch vụ	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.695.091.534	138.357.521.746	181.052.613.280
2	Giá vốn thương mại và dịch vụ	34.432.507.429	103.868.625.947	138.301.133.376
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.262.584.105	34.488.895.799	42.751.479.904
4	Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
	Doanh thu hoạt động tài chính			349.427.895
	Chi phí tài chính			4.465.446.025
	Chi phí bán hàng			-
	Chi phí quản lý doanh nghiệp			14.617.685.728
	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			24.017.776.046
	Thu nhập khác			16.843.922.454
	Chi phí khác			12.828.856.488
	Lợi nhuận khác			4.015.065.966
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			28.032.842.012
	Chi phí thuế TNDN hiện hành			5.419.080.192
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			112.183.957